Trục dẫn **đai** điện **ELGS-TB-KF-45-300-ST-M-H1-PLK-AA**

Số bộ phận: 8083666

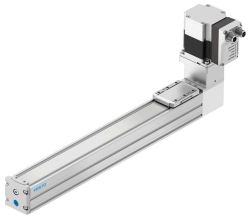

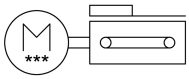

Bảng dữ liệu

Đặc **tính**	**Giá** trị
Đường kính hiệu quả của bánh răng truyền động	19.1 mm
Hành trình làm việc	300 mm
Kích thước	45
Dự trữ hành trình	0 mm
Độ giãn dây đai răng	0.187 %
Bước đai răng	2 mm
Vị trí lắp đặt	ngang
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Trục tuyến tính cơ điện với dây đai răng với hệ truền động tích hợp
Phát hiện vị trí	Bộ mã hóa động cơ cho các công tắc gần
Cảm biến vị trí rôto	Encoder tuyệt đối, một vòng
Cảm biến vị trí rôto Nguyên tắc đo	từ tính
Kiểm soát nhiệt độ	Tắt máy khi quá nhiệt Tích hợp cảm biến nhiệt độ CMOS chính xác với đầu ra tương tự
Chức năng bổ sung	Giao diện người dùng Phát hiện vị trí cuối tích hợp
Hiển thị	Đèn LED
Tăng tốc tối đa	6 m/s²
Tốc độ tối đa	1.2 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,1 mm
Đặc tính của đầu ra logic kỹ thuật số	có thể định cấu hình không bị cách điện
Thời gian bật	100%
lớp bảo vệ cách nhiệt	B
Đầu ra logic kỹ thuật số tối đa hiện tại	100 mA
Tiêu thụ điện tối đa	5,3 A
Điện áp danh định DC	24 V
Dòng điện danh nghĩa	5.3 A
Giao diện tham số hóa	Liên kết IO Giao diện người dùng

Đặc **tính**	**Giá** trị
Dao động điện áp cho phép	+/- 15 %
Nguồn điện, kiểu kết nối	Phích cắm
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	M12x1, Được mã hóa T theo EN 61076-2-111
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 %
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	Trên nhiệt độ môi trường xung quanh là 30 °C, phải giảm công suất 2 % mỗi K.
Khoảnh khắc của diện tích ly bậc 2	140000 mm⁴
Khoảnh khắc của khu vực Iz độ 2	170000 mm⁴
Lực tối đa Fy	300 N
Lực tối đa Fz	600 N
Thời điểm tối đa Mx	5.5 Nm
Max. Moment My	4.7 Nm
Mô-men tối đa Mz	4.7 Nm
Lực nạp tối đa Fx	75 N
Trị số chuẩn tải trọng có ích, ngang	2.5 kg
Mômen quán tính xoắn Nó	8500 mm⁴
Nạp liệu không đổi	60 mm/U
Khối lượng di chuyển	169 g
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	169 g
Trọng lượng ổ trượt	55 g
trọng lượng sản phẩm	2480 g
Số đầu ra logic kỹ thuật số 24 V DC	2
Số lượng đầu vào logic kỹ thuật số	2
Vùng làm việc đầu vào logic	24 V
Đặc tính đầu vào logic	có thể định cấu hình không bị cách điện
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
IO-Link, Communication mode	COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, Port class	A
IO-Link, số lượng cổng	1
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình OUT	1 bit (Move in) 1 bit (Move out) 1 bit (Quit Error)
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	1 bit (thiết bị trạng thái) 1 bit (State Move) 1 bit (State in) 1 bit (State out)
IO-Link, nội dung dữ liệu dịch vụ IN	32 bit Force Vị trí 32 bit 32 bit Speed
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	0,5 kB
chuyển đổi đầu vào logic	PNP (chuyển mạch dương)
IO-Link, công nghệ kết nối	Giắc cắm
giao diện logic, kiểu kết nối	Phích cắm

Đặc **tính**	**Giá** trị
Giao diện logic, công nghệ kết nối	M12x1, A-được mã hóa theo EN 61076-2-101
Giao diện logic, số lượng chân / dây	8
Vật liệu nắp cuối	Nhôm đúc áp lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép cao cấp không gỉ
Vật liệu nắp truyền động	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép tôi luyện
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép tôi luyện
Ròng rọc vật liệu	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đai răng	Polychloroprene với sợi thủy tinh